

SỞ GD & ĐT QUẢNG NINH  
TRƯỜNG THPT MÔNG DƯƠNG

Số: 137/CK-THPTMD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cầm Pha, ngày 30 tháng 06 năm 2023

**CÔNG KHAI CÁC KHOẢN CHI NĂM HỌC 2022 - 2023**

Thực hiện Thông tư số: 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017, ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường THPT Mông Dương công khai các khoản chi năm học 2022-2023 cụ thể như sau:

**I CÁC KHOẢN CHI NĂM HỌC 2022-2023**

| Stt | Nội dung                                         | Số tiền thực hiện NH 2022-2023 | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------|--------------------------------|---------|
| 1   | Các khoản chi lương                              | 4.089.757.400 đ/năm            |         |
|     | Lương theo ngạch, bậc                            | 2.178.765.000 đ/năm            |         |
|     | Phụ cấp lương                                    | 1.335.626.300 đ/năm            |         |
|     | Các khoản đóng góp theo lương (BHXH, BHYT, HBTN) | 575.366.100 đ/năm              |         |
| 2   | Chi bồi dưỡng chuyên môn                         | 96.261.000 đ/năm               |         |
| 3   | Chi hội họp                                      |                                |         |
| 4   | Chi hội thảo                                     |                                |         |
| 5   | Chi tham quan học tập trong và ngoài nước        | - đ/năm                        |         |

**II MỨC THU NHẬP HÀNG THÁNG CỦA GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ**  
(Bao gồm lương cơ bản và các khoản phụ cấp):

| Stt | Nội dung                            | Số tiền thực hiện NH 2022-2023 | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------|--------------------------------|---------|
| 1   | Thu nhập cao nhất trong đơn vị là:  | 15.466.217 đ/tháng             |         |
| 2   | Thu nhập bình quân trong đơn vị là: | 7.751.949 đ/tháng              |         |
| 3   | Thu nhập thấp nhất trong đơn vị là: | 4.484.900 đ/tháng              |         |

### III THỰC HIỆN NÂNG LƯƠNG THƯỜNG XUYÊN VÀ NÂNG LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN

| Stt | Nội dung                                    | Thực hiện NH 2022-2023 | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------|------------------------|---------|
| 1   | Nâng lương thường xuyên, phụ cấp vượt khung | 13 người               |         |
| 2   | Đề nghị hưởng mới thâm niên nhà giáo        | - người                |         |
| 3   | Nâng phụ cấp thâm niên nhà giáo             | 24 người               |         |
| 4   | Nâng lương trước thời hạn                   | 4 người                |         |

### IV CHI THU NHẬP TĂNG THÊM

| Stt | Nội dung                       | Thực hiện NH 2022-2023 | Ghi chú |
|-----|--------------------------------|------------------------|---------|
| 1   | Mức cao nhất trong đơn vị là:  | 10.887.200 đồng        |         |
| 2   | Mức bình quân trong đơn vị là: | 10.312.575 đồng        |         |
| 3   | Mức thấp nhất trong đơn vị là: | 9.798.500 đồng         |         |

### V MỨC CHI THUỜNG XUYÊN/1 HỌC SINH:

Tổng số học sinh:

618

Mức chi thường xuyên:

10.820.471 đồng/học sinh

### VI CHI ĐÀU TƯ XÂY DỰNG, SỬA CHỮA; MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ

| Stt | Nội dung                       | Số tiền |
|-----|--------------------------------|---------|
| 1   | Xây dựng sửa chữa              | -       |
|     | Nâng nền nhà xe học sinh       |         |
|     | Sơn phía ngoài nhà tập đá năng |         |
| 2   | Mua sắm trang thiết bị         | -       |
|     | Không có                       |         |

### VI THU CHI CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ, PHỤC VỤ, HỖ TRỢ GIÁO DỤC

| Stt | Nội dung           | Số tiền         | Ghi chú |
|-----|--------------------|-----------------|---------|
| 1   | Nước uống học sinh |                 |         |
|     | Dư đầu kỳ:         |                 |         |
|     | Tổng thu:          | 49.240.000 đồng |         |
|     | Tổng chi:          | 49.240.000 đồng |         |

|  |                                            |                 |  |
|--|--------------------------------------------|-----------------|--|
|  | Chi tiền công cho người cấp phát nước uống | 4.500.000 đồng  |  |
|  | Chi mua dụng cụ                            | 3.450.000 đồng  |  |
|  | Chi trả tiền nước uống                     | 41.290.000 đồng |  |
|  | Dư cuối kỳ                                 | -               |  |

## 2 Trông coi phương tiện của người học

|  |                                           |                 |         |
|--|-------------------------------------------|-----------------|---------|
|  | Dư đầu kỳ:                                | 0 đồng          | Ghi chú |
|  | Tổng thu:                                 | 85.960.000 đồng |         |
|  | Tổng chi:                                 | 85.960.000 đồng |         |
|  | Chi công trông coi phương tiện            | 69.300.000 đồng |         |
|  | Chi nộp thuế                              | 8.596.000 đồng  |         |
|  | Chi dụng cụ vật tư dành cho việc trông xe | 3.496.000 đồng  |         |
|  | Chi cán bộ quản lý                        | 4.568.000 đồng  |         |
|  | Dư cuối kỳ                                | 0 đồng          |         |

## 3 Dạy thêm học thêm

|  |                              |                  |         |
|--|------------------------------|------------------|---------|
|  | Dư đầu kỳ:                   | 0 đồng           | Ghi chú |
|  | Tổng thu:                    | 612.594.600 đồng |         |
|  | Tổng chi:                    | 612.594.600 đồng |         |
|  | Chi giảng dạy, quản lý, ...: | 558.780.400 đồng |         |
|  | Chi nộp thuế:                | 12.251.892 đồng  |         |
|  | Chi trả tiền điện            | 3.862.488 đồng   |         |
|  | Chi phục vụ vệ sinh          | 10.560.000 đồng  |         |
|  | Chi tiền nước uống học sinh  | 4.989.600 đồng   |         |
|  | Chi sửa chữa cơ sở vật chất  | 22.150.220 đồng  |         |
|  | Dư cuối kỳ                   | 0 đồng           |         |

## 3 Điện sử dụng điều hòa lớp học

|  |            |                |         |
|--|------------|----------------|---------|
|  | Dư đầu kỳ: | 0 đồng         | Ghi chú |
|  | Tổng thu:  | 5.460.200 đồng |         |

|                          |                |  |
|--------------------------|----------------|--|
| Tổng chi:                | 5.460.200 đồng |  |
| Chi thanh toán tiền điện | 5.460.200 đồng |  |
| Dư cuối kỳ               | 0 đồng         |  |

Cẩm Phả, ngày 30 tháng 06 năm 2023

**HIỆU TRƯỞNG**



**Dương Thị Bích Mai**